

ỨNG DỤNG PROJECT WORK NÂNG CAO NĂNG LỰC TIẾNG NHẬT THỰC DỤNG CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH SƯ PHẠM ANH NHẬT ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

Nguyễn Thị Thanh Vân

Khoa Ngoại ngữ

Email: vannt81@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 27/5/2021

Ngày PB đánh giá: 22/6/2021

Ngày duyệt đăng: 25/6/2021

TÓM TẮT- Trong quá trình đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp dạy học theo dự án đã trở nên phổ biến trong đào tạo ngôn ngữ ở nhiều nước trên thế giới.

Bài viết này báo cáo kết quả nghiên cứu thử nghiệm ứng dụng Project Work nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Nhật cho người học ở trình độ sơ cấp. Phương pháp lấy dữ liệu gồm có bảng tự đánh giá về các bước hoạt động khi làm Project Work của 38 SV năm thứ 2 chuyên ngành sư phạm Anh – Nhật, Trường Đại học Hải Phòng. Kết quả chỉ ra người học tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp cảm thấy khó khăn ở những hoạt động nào khi thực hiện Project Work. Kết quả nghiên cứu có thể được dùng làm cơ sở cho các nghiên cứu tương lai trong việc ứng dụng Project Work cho đối tượng người học tiếng Nhật trình độ sơ cấp.

Từ khóa : Dạy học theo dự án, Project Work, thực nghiệm, tiếng Nhật thực dụng, trình độ sơ cấp

IMPLEMENTING PROJECT WORK FOR STUDENTS OF ENGLISH – JAPANESE PEDAGOGY CLASS AT HAIPHONG UNIVERSITY TO LEVER UP PRACTICAL JAPANESE: AN EXPERIMENTAL STUDY

ABSTRACT - One of the innovative ways of foreign language teaching and learning is applying the Project-based method. This method has become popular in foreign language teaching and learning in many countries worldwide. An experimental study was carried out with the application of Project Work to lever up practical Japanese for Japanese beginners. The data collection tool is a self-evaluation questionnaire implemented to 38 second-year students of the English – Japanese pedagogy course, Hai Phong University. The results indicated the steps students have difficulties in while implementing Project Work. The results of this research can use as a reference for further study in implementing Project Work for Japanese beginner-level learners.

Keywords: Project Method, PBL, Project Work, experimental, practical Japanese, beginner level

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyên ngành sư phạm Anh – Nhật được mở từ năm 2017. Mỗi khóa chỉ tiêu tuyển sinh dao động trong khoảng 40 đến 50 SV, hiện có khoảng 180 SV đang theo học. Mục tiêu đào tạo chung của khóa học là đào tạo ra những GV dạy tiếng Anh và

tiếng Nhật tại THCS, THPT. Vì vậy, khóa học được thiết kế số lượng giờ học tiếng Nhật năm 1 là 220 tiết, năm 2 là 300 tiết để có được kiến thức và năng lực tiếng Nhật sơ cấp N4, năm 3 và năm 4 học môn phương pháp sư phạm tiếng Nhật cùng với thực tập sư phạm tiếng Nhật tại một vài

trường THCS đang giảng dạy tiếng Nhật trong thành phố Hải Phòng.

Luật giáo dục Việt Nam (2005) quy định ngoài năng lực chuyên môn, người giáo viên cần có những năng lực cơ bản như kỹ năng thu thập, tổng hợp thông tin, khả năng giải quyết vấn đề, năng lực lên kế hoạch, năng lực giao tiếp... [1] Do vậy, cần phải bồi dưỡng những năng lực cơ bản cần thiết này cho những SV ngành sư phạm. Bên cạnh đó, đối với các SV sẽ trở thành GV tiếng Nhật trong tương lai cần có lượng kiến thức cần thiết và khả năng ứng dụng tiếng Nhật thực dụng vào các giờ học. Vì thế, GV bộ môn tiếng Nhật chúng tôi cho rằng bên cạnh những giờ học thông thường tích lũy vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp, ngay từ giai đoạn sơ cấp cần phải đưa vào ứng dụng phương pháp giảng dạy dự án mà thông qua hoạt động Project Work, người học có thể lựa chọn đề tài, phân tích, tổng hợp thông tin, viết nội dung cho đề tài lựa chọn, thuyết trình về đề tài và cuối cùng là cùng trao đổi đánh giá về thành quả đó.

Stoller (2002) cho rằng để “Project Work trở thành hoạt động phù hợp với nhu cầu của người học thì Project Work có thể áp dụng cho bất cứ trình độ nào, bất cứ người học có mục đích gì”. Đây là “phương pháp học có hiệu quả với cả người học với mục đích nghề nghiệp và với cả người học trong lớp học ngoại ngữ nói chung” [2].

Vì thế, tác giả quyết định thử nghiệm thực hiện Project Work cho 38 SV năm 2 chuyên ngành sư phạm Anh – Nhật. Những SV này được chọn làm nghiên cứu thực nghiệm với các lý do sau: (1) đối tượng khảo sát có trình độ tiếng Nhật sơ cấp và có định hướng nghề nghiệp là giáo viên; (2) tác giả bài viết cũng là GV giảng dạy trực tiếp có thể tự đánh giá phương pháp giảng

dạy của mình qua nghiên cứu trên chính hoạt động giảng dạy của mình. Nghiên cứu thực nghiệm được tiến hành nhằm tìm kiếm câu trả lời cho các câu hỏi sau:

(1) Trên quan điểm giáo dục tiếng Nhật, việc thực hiện Project Work đối với người học ở giai đoạn sơ cấp có phù hợp không?

(2) Trong các bước thực hiện Project Work, người học cảm thấy bước nào phù hợp và bước nào là không phù hợp với trình độ của mình?

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Về Project Work đã có nhiều quan điểm định nghĩa khác nhau. Tanaka . Saito (1993) nhấn mạnh vào tính ứng dụng và tính phù hợp của Project Work là hoạt động thiết lập dự án nào đó trong lớp học hoặc nhóm người học, trong quá trình thực hiện dự án đó sử dụng và học thêm lượng lớn ngôn ngữ đó và nhấn mạnh đây là hoạt động phù hợp nhất với học nhóm [3].

Doolan. Stoller (2008) cho rằng Project Work là phương pháp dạy điển hình Content Base Instruction (Phương pháp dạy chú trọng nội dung) được biết đến từ những năm 1990. Là hoạt động ý nghĩa đối với người học có thể triển khai để người học hiểu biết sâu về kiến thức đã học. [4]

Bardin Tanaka và nhóm tác giả (1988) định nghĩa Project Work trong việc học ngoại ngữ rằng đây là hoạt động học tập mà người học tự trao đổi, tự lên kế hoạch, sử dụng tiếng Nhật để tiến hành các hoạt động ngoài lớp học như phỏng vấn, thu thập tài liệu, tổng hợp thông tin, trải qua quá trình hoạt động, tổng kết lại thành một sản phẩm (bản báo cáo, thuyết trình, Video...). [5] Từ những định nghĩa nêu trên, có thể kết luận

rằng Project Work là hoạt động dạy và học cho phép người học chủ động học trong tập thể nhóm dưới sự giám sát của giáo viên thông qua các hoạt động trao đổi, lên kế hoạch, vạch ra các bước thực hiện, thu thập thông tin, tổng kết thành sản phẩm và đánh giá về sản phẩm đó. Người học có cơ hội được lựa chọn đề tài mà họ quan tâm. Họ sử dụng kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ và những kỹ năng khác một cách tự nhiên. Kết thúc dự án, họ có thể tạo ra bài thuyết trình của riêng mình, và có thể vận dụng vào thực tế kiến thức, kỹ năng hình thành trong quá trình thực hiện.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trong phạm vi lớp học năm 2 chuyên ngành sư phạm Anh – Nhật khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hải Phòng.

3.2. Đối tượng tham gia nghiên cứu

Lớp học năm 2 chuyên ngành sư phạm Anh – Nhật có tổng số 38 sinh viên. Không sinh viên nào đã từng học tiếng Nhật trước khi vào trường. Qua 2 năm học, trình độ tiếng Nhật của các sinh viên ở mức độ sơ cấp. Sinh viên học cả 2 ngoại ngữ tiếng Anh và tiếng Nhật nên thời gian học tiếng Nhật trên lớp hạn chế, phần lớn là giờ học và dạy theo phương pháp truyền thống tập trung vào tích lũy từ vựng và ngữ pháp. Khác biệt với tiếng Anh được học trong nhiều năm học trước khi vào đại học thì tiếng Nhật là một ngôn ngữ tượng hình mới, SV khá chật vật trong việc tiếp thu kiến thức nên GV cố gắng thiết kế giờ giảng đưa vào các hoạt động luyện tập củng cố từ vựng, ngữ pháp nhưng khả năng ứng dụng của SV vẫn còn ở mức thấp.

3.3. Phương pháp nghiên cứu

Cả hai phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính đều được áp dụng trong quá trình thu thập và phân tích dữ liệu của nghiên cứu này. Dữ liệu định lượng được thu thập qua bảng câu hỏi khảo sát tự đánh giá của SV về các hoạt động trong thực hiện Project Work. Để tăng hiệu quả phân tích dữ liệu và giảm bớt hạn chế của phương pháp định lượng, nghiên cứu có kết hợp phương pháp định tính thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu SV theo hình thức phỏng vấn không cấu trúc.

3.4 Triển khai nghiên cứu

3.4.1. Thời gian và số buổi

Thời gian thực hiện Project Work diễn ra trong 5 tuần từ 7/4 ~ 14/5/2021. 4 tuần mỗi tuần 2 tiết sử dụng cho chuẩn bị Project Work. Tuần cuối sử dụng 4 tiết cho phát biểu và đánh giá.

3.4.2 Đề tài

Đề tài chung là “Giới thiệu địa điểm du lịch và món ăn nơi đó cho khách du lịch người Nhật đến Việt Nam”, Mỗi nhóm lựa chọn ra 1 địa phương tại Việt Nam, thu thập thông tin địa lý, khí hậu, phương thức di chuyển, các địa điểm du lịch, món ăn của địa phương đó, tổng hợp thông tin, thuyết trình cho khách du lịch người Nhật. Các SV được chia thành 7 nhóm, mỗi nhóm có 5 hoặc 6 SV. Các đề tài phụ (dự án) do 7 nhóm lựa chọn là Sapa, Cát Bà, Hạ Long, Đà Nẵng, Nha Trang, Đà Lạt, Sài Gòn.

3.4.3 Tiến trình thực hiện Project Work

Thông qua hoạt động Project Work, SV có thể ứng dụng ngôn ngữ được học và hình thành những kỹ năng cần có trong công việc tương lai như kỹ năng thu thập, tổng hợp phân tích thông tin, khả năng giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, khả năng thuyết trình... khi tiến

hành Project Work tác giả đã tham khảo quy trình 10 bước khi thực hiện một dự án trong lớp học ngôn ngữ của Stoller (2006) do các bước thực hiện phù hợp với mục tiêu thực hiện của dự án. Stoller đề xuất tiến trình thực hiện theo từng bước như sau [6]

Bước 1. Thống nhất đề tài dự án

Bước 2. Quyết định cấu trúc sản phẩm

Bước 3. Quyết định cách thức, các bước thực hiện dự án

Bước 4. Hỗ trợ về mặt ngôn ngữ để thu thập thông tin

Bước 5. Thu thập thông tin

Bước 6. Hỗ trợ về mặt ngôn ngữ để phân tích thông tin đã thu thập

Bước 7. Tổng hợp thông tin từ thông tin đã phân tích

Bước 8. Chuẩn bị cho thuyết trình sản phẩm

Bước 9. Thuyết trình

Bước 10. Đánh giá

Dựa vào 10 bước tiến trình thực hiện của Stoller, dự án được xây dựng gồm 5 buổi học với nội dung thực hiện như sau

Buổi	Nội dung buổi học
Buổi 1 (7/4)	Giới thiệu về Project Work, công bố chủ đề và phân nhóm
Buổi 2 (14/4)	Xem xét nội dung thuyết trình
Buổi 3(20/4)	Xem xét lại nội dung & viết bản thảo, và file trình chiếu
Buổi 4(5/5)	Điều chỉnh lần cuối bản thảo, hoàn thành file trình chiếu & luyện tập thuyết trình
Buổi 5 (14/5)	Thuyết trình Nhận xét đánh giá/ Làm bảng câu hỏi khảo sát

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong giáo dục tiếng Nhật, hiệu quả của Project Work đã có nhiều kiểm chứng là một phương pháp học bồi dưỡng năng lực ngôn ngữ cho đối tượng người học từ trình độ trung cấp trở lên. Cho đến nay, đã có một vài báo cáo về Project Work ở đối tượng người học sơ cấp, nhưng báo cáo ứng dụng thực hiện Project Work để làm nền móng nâng cao năng lực ứng dụng ngoại ngữ cho đối tượng người học trình độ sơ cấp trong môi trường học đồng thời hai ngoại ngữ gần như là chưa có. Kinjo (1994) cho rằng “Project Work về cơ bản được thực hiện như là hoạt động học tập lấy người học làm trung tâm, có thể thực hiện ở bất cứ giai đoạn nào từ sơ cấp đến trung cấp bằng cách điều chỉnh phù hợp với trình độ của người học và thay đổi dần tỷ lệ mức độ hỗ trợ của giáo viên và mức độ tự chủ của người học”. [7]

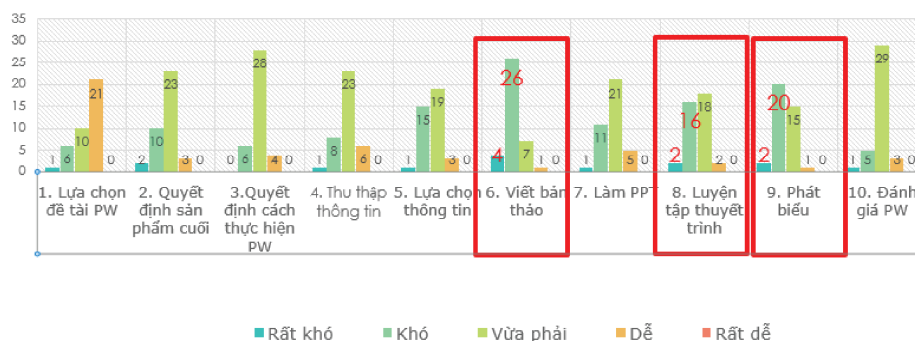
SV năm 2 chuyên ngành sư phạm Anh - Nhật Đại học Hải Phòng được yêu cầu làm bảng câu hỏi khảo sát đánh giá trong 10 hoạt động thực hiện Project Work, SV cảm thấy hoạt động nào phù hợp và hoạt động nào không phù hợp với trình độ của mình. 38 SV đã tham gia trả lời phiếu điều tra. Từ tổng thể điều tra đã làm rõ được những hoạt động gây khó khăn cho SV khi thực hiện Project Work và nguyên nhân tại sao sinh viên cảm thấy khó khăn trong những hoạt động đó

4. 1. Những hoạt động gây khó khăn cho SV khi thực hiện Project Work

Hoạt động Project Work được phân chia thành 10 mục là “1. Lựa chọn đề tài Project Work”, “2. Quyết định sản phẩm cuối”, “3. Quyết định cách thức thực hiện”, “4. Thu thập thông tin”, “5. Lựa chọn thông tin”, “6. Viết bản thảo”, “7. Làm PPT”, “8. Luyện tập thuyết trình”, “9. Phát biểu”,

“10. Đánh giá”, SV được yêu cầu trả lời câu hỏi “Em cảm nhận về 10 hoạt động khi thực hiện Project Work thế nào?” với 5 mức độ “Rất khó”, “Khó”, “Bình thường”, “Dễ”, “Rất dễ”.

N=38



Biểu đồ 1: Đánh giá độ khó của SV về các hoạt động khi thực hiện Project Work

Kết quả khảo sát ở biểu đồ 1 cho thấy SV gặp nhiều khó khăn nhất ở những hoạt động liên quan đến sản phẩm cuối. Đặc biệt là trong 3 hoạt động, “6. Viết bản thảo” (30 người), “9. Phát biểu” (22 người), “8. Luyện tập thuyết trình” (18 người). Hoạt động “6. Viết bản thảo” là hoạt động tổng hợp cần vận dụng kiến thức ngôn ngữ và năng lực ngôn ngữ nhiều nhất do SV cần phải đọc tài liệu Tiếng Nhật và viết nội dung thuyết trình bằng tiếng Nhật. Ở hoạt động “9. Phát biểu”, ngoài kỹ năng Nói tiếng Nhật, SV còn cần luyện tập nhiều để có kỹ năng thuyết trình và sự tự tin khi thuyết trình. 3 hoạt động “6. Viết bản thảo” (30 người), “9. Phát biểu” (22 người), “8. Luyện tập thuyết trình” có mối liên kết và đều là những hoạt động trực tiếp sử dụng kiến thức ngôn ngữ và vận dụng năng lực ngôn ngữ.

4.2. Lý do SV cảm thấy khó khăn khi thực hiện Project Work

Lý do SV cảm thấy “rất khó” và “khó” ở 3 hoạt động “6. Viết bản thảo”, “9. Phát biểu”, “8. Luyện tập thuyết trình” được tổng hợp và phân thành các nhóm lý do như sau:

STT	Hoạt động	Lý do	Tổng số ý kiến	Tỷ lệ
1	Viết bản thảo	Năng lực ngôn ngữ	7	39%
		Kiến thức ngôn ngữ	3	17%
		Cách thức viết	4	22%
		Lý do khác	3	17%
2	Luyện tập thuyết trình	Năng lực ngôn ngữ	7	39%
		Kiến thức ngôn ngữ	3	17%
		Tâm lý khi luyện tập	4	22%
		Phương pháp luyện tập	3	17%
		Lý do khác	1	6%
3	Thuyết trình	Năng lực ngôn ngữ	3	14%
		Tâm lý khi thuyết trình	9	41%
		Liên quan đến phát âm	6	27%
		Năng lực thuyết trình	3	14%
		Lý do khác	1	5%

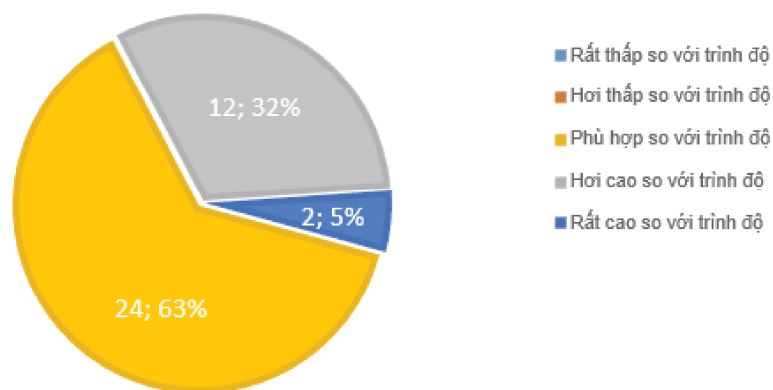
Qua điều tra cho thấy, trong cả 3 hoạt động SV cảm thấy khó khăn nhất khi thực

hiện Project Work, yếu tố cản trở lớn nhất đến từ năng lực ngôn ngữ. Ở cả 2 hoạt động “Viết bản thảo” và “Luyện tập thuyết trình”, 39% SV cho rằng năng lực ngôn ngữ, cụ thể là 2 kỹ năng Viết và Nói còn hạn chế nên cảm thấy khó khăn trong việc biên tập nội dung và thuyết trình. Lý do thứ hai đến từ kiến thức ngôn ngữ là những kiến thức từ vựng, phát âm, hình thái, cú pháp tiếng Nhật gây khó khăn cho SV trong việc tổng hợp thông tin viết bài, luyện tập thuyết trình và thuyết trình. Ngoài ra, yếu tố tâm lý trong luyện tập thuyết trình và thuyết trình cũng ảnh hưởng đáng kể. 22% SV cảm thấy nản trước việc luyện tập thuyết trình nhiều lần vẫn không thể nói trôi chảy. Điều này có liên quan trực tiếp đến tâm lý khi thuyết

trình. Có đến 41% SV cảm thấy không tự tin khi thuyết trình. Để tìm hiểu thêm, tác giả có thực hiện phỏng vấn thêm và ghi nhận được lý do tâm lý như run, hồi hộp, lo lắng, quên, thiếu nội dung thuyết trình do chưa luyện tập thuyết trình đủ.

Từ kết quả điều tra, GV nhận biết người học ở cấp độ sơ cấp cảm thấy hoạt động nào phù hợp/ không phù hợp với trình độ của mình, và cảm thấy khó khăn nhất ở những hoạt động nào. Từ đó GV đánh giá được SV có thể tự chủ ở mức độ nào và cần hỗ trợ SV thêm ở những hoạt động nào. Từ đó đưa ra những hướng dẫn thích hợp và điều chỉnh phù hợp ở những hoạt động dự án tiếp theo.

4.3. SV tự đánh giá mức độ phù hợp của Project Work so với trình độ



Biểu đồ 2: Mức độ phù hợp của Project Work do SV tự đánh giá

Dữ liệu ở biểu đồ 2 cho thấy đa số SV (63,2%) cảm thấy hoạt động Project Work lần này phù hợp với trình độ của mình. Bên cạnh đó, trong số 38 SV có 2 SV (chiếm tỷ lệ 5%) nhận thấy Project Work rất cao so với trình độ của mình.

4.4. Hứng thú của SV với hoạt động Project Work

Mặc dù có những khó khăn nhất định trong quá trình thực hiện dự án do lần đầu tiên tiếp cận với phương pháp học tập mới nhưng trong 38 SV tham gia khảo sát, có tới 35 SV (chiếm 92,1%) mong muốn được tiếp tục thực hiện Project Work trong những kỳ học tiếp theo. 1 tỷ lệ tương đối SV (65,8%) tham gia khảo

sát cho rằng Project Work đem lại cơ hội để họ ứng dụng những kiến thức đã học, tiếp cận những kỹ năng mới mà giờ học thông thường khác không mang lại. Thực tế quan sát tại lớp học, khi SV làm Project Work, họ trở nên năng động hơn, chủ động hơn, độc lập trong hành động hơn, đây là những điểm khác biệt mà giờ học truyền thống không có được.

5. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Như vậy, kết quả thực nghiệm đã phần nào phản ánh được cảm nhận của SV về hoạt động Project Work. Kết quả thực nghiệm cho thấy việc thực hiện Project Work đối với người học ở giai đoạn sơ cấp là phù hợp. Tuy nhiên để đạt được hiệu quả cao hơn trong hoạt động này, GV và SV cần có những điều chỉnh theo như đề xuất dưới đây:

Về phía GV: GV cần tăng cường hỗ trợ về mặt ngôn ngữ, trao đổi, cung cấp kiến thức, nguồn thông tin thích hợp, gợi ý phương án giải quyết đối với khó khăn trong các bước thực hiện dự án. Đối với những học viên chưa quen với hoạt động dự án, cần có những hỗ trợ tức thời ngay từ khi bắt đầu thực hiện dự án. Quan tâm hơn đến việc hướng dẫn phương pháp học ngoại ngữ cho học viên để giảm bớt các khó khăn về tâm lý cũng như ngôn ngữ khi tiếp cận với ngôn ngữ mới, phương pháp dạy học mới ở bậc đại học.

Về phía học viên: Cần hình thành phương pháp tự học ngoại ngữ bằng cách rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phát hiện và tự giải quyết vấn đề, kỹ năng thu thập, xử lý tài liệu, kỹ năng thuyết

trình, phản biện, bảo vệ ý kiến,...

Kết quả thực nghiệm này là cơ sở thực tiễn để chúng tôi xây dựng khung phương pháp làm tài liệu giảng dạy cho giáo viên, cũng như công cụ học tập cho học viên tiếng Nhật tại Đại học Hải Phòng.

Nghiên cứu này mới chỉ giới hạn thực hiện trong lớp học mà đặc điểm người học chuyên ngành sư phạm ngoại ngữ Anh và Nhật. Đó là lý do trong tương lai tác giả mong muốn tìm hiểu có những điểm khác biệt gì trong thực nghiệm hoạt động Project Work ở đối tượng là người học chuyên ngành tiếng Nhật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục (2005), *Luật giáo dục Việt Nam* Luật giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006
2. Stoller, F. (2002), “ *A means to promote language and content*”, *Journal Methodology in language teaching: An anthology of current practice*, Vol.5, Cambridge University Press
3. Tanaka . Saito (1993), *日本語教育の理論と実際 : 学習支援システムの開発*, 大修館書店
4. Doolan. Stoller (2008), “*Content-based instruction*” *Encyclopedia of language and education Journal*, Vol. 4, Springer
5. Bardin-Tanaka Sachiko, Kudo Setsuko, Izaki Yasuko. (1988) .“*コミュニケーション重視の学習活動 1 プロジェクトワーク*”, 凡人社
6. Stoller, F. (2006), “ *Establishing a theoretical foundation for project-based learning in second and foreign language contexts*”, *Project-based second and foreign language education: Past, present, and future Journal*, Information Age Publishing
7. Kinjo (1994), “*四技能を統合した日本語教授法—プロジェクト・ワーク—*”, 琉球 大学言語文化研究紀要 Scrimsim us (3)